

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **189/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/9/2021

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa chị Nông Thị D và anh Nguyễn Văn V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bốn.

2. Bà Nguyễn Hà Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Nông Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn năm 2010, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 09/6/2010 tại UBND xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh

phúc, đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Chị và anh V ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/12/2010 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 06/5/2015, chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không đề nghị anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị xác định tự thỏa thuận về tài sản, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; vay nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Văn V đến để giải quyết vụ án nhưng anh V đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh V vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, anh V và chị D được tự do tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, quá trình chung sống vợ chồng dần có mâu thuẫn, xích mích, đỉnh điểm là đầu năm 2020. Từ đầu năm 2020 thì chị D và anh V ly thân cho đến nay, anh V mới đi làm ăn khoảng tháng 02 năm 2020. Anh V và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/12/2010 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 06/5/2015. Anh V và chị D có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, ngoài ra còn tài sản nào khác không thì không nắm được. Hiện nay, anh V làm việc lao động tự do nên có lúc cũng không có mặt tại gia đình. Anh V có biết được các văn bản của Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xác minh tại gia đình ông Nguyễn Văn T (bố đẻ của anh V), ông T cho biết anh V đi làm ăn tại thành phố Hà Nội, không rõ địa chỉ cụ thể, ông đã thông báo nội dung các văn bản của Tòa án cho anh V biết, nhưng anh V không về để giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/12/2010 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 06/5/2015 cho chị Nông Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn V không

phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nông Thị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thì anh Nguyễn Văn V có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống, tại thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, anh V và gia đình anh V đã biết nhưng anh V không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị D và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2020 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị D xử cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

[2] Về con chung: Chị Nông Thị D và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/12/2010 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 06/5/2015, hiện đang ở cùng chị D. Tại Biên bản lấy lời khai cháu H có ý kiến, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn sinh sống cùng với mẹ. Xét nguyện vọng của chị D và ý kiến của cháu H, đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương. Do đó, cần tuyên xử cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/12/2010 và Nguyễn Minh H1, sinh ngày 06/5/2015. Anh Nguyễn Văn V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Nguyễn Văn V không đến Tòa án làm việc nên không xác định được ý kiến của anh V về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị Nông Thị D không đề nghị anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, ý kiến của chị D không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Nông Thị D xác định tự thỏa thuận về tài sản đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết; vay nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nông Thị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/12/2010 và cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 06/5/2015 cho chị Nông Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nông Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002375 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên. Chị Nông Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn V không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Ánh